

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày 16 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm: 1/ Bà Trần Kim Nguyễn
2/ Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 245/2018/HSST ngày 11 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 886/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lê Hoàng D**, sinh năm 1979 tại CM; Nơi cư trú: Số 19A, TPX, khóm B, phường T, thành phố M, tỉnh C; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn V và bà Phan Thị L; Vợ: Hồ Thị Ngọc Ph; Con: 02 người con; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 05 tháng 5 năm 2005, bị Tòa án nhân dân TP Cà Mau tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 102/2005/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19 tháng 02 năm 2007. Chấp hành án phí hình sự tháng 9/2005 (đã được xóa án tích).

Ngày 17 tháng 7 năm 2008, bị Tòa án nhân dân TP Cà Mau tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 114/2008/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05 tháng 3 năm 2010. Chấp hành án phí hình sự năm 2009 (đã được xóa án tích).

Ngày 19 tháng 7 năm 2012, bị Tòa án nhân dân TP Cà Mau tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 160/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02 tháng 3 năm 2013. Chấp hành án phí hình sự ngày 21/3/2013 (đã được xóa án tích).

Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/9/2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1/ Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT.

Địa chỉ: Số 158D, NTT, phường T, thành phố M, tỉnh C.

Do ông Phạm Văn H, chức vụ Giám đốc đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đoàn Công M theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018 (có mặt).

2/ Ông Phạm Văn B, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số 156, Trương Phùng Xuân, khóm B, phường T, thành phố M. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2015, Lê Hoàng D mua của bà Nguyễn Thị N một xe mô tô loại Air Blade màu đen - bạc, số khung RLHJF1806AY370286, số máy JF27E-0419418 được đăng ký biển số 69K6 - 7694. Sau khi mua xe từ bà N, D không làm thủ tục sang tên theo quy định mà vẫn để biển số 69K6 - 7694 sử dụng. Trong quá trình sử dụng, D làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe nên ngày 26 tháng 11 năm 2016, D nộp đơn có mất giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 69K6 - 7694 tên chủ xe Nguyễn Thị N và xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe cùng thủ tục sang tên chủ xe mô tô từ bà N cho D đồng thời thay đổi màu sơn xe từ đen - bạc thành trắng - đỏ - đen đến Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh C để đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Ngày 28 tháng 12 năm 2016, Lê Hoàng D được Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh C cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021663, biển số 69B1 - 155.33, màu sơn trắng - đỏ - đen, tên chủ xe Lê Hoàng D. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, D sử dụng đến khoảng tháng 6 năm 2017 thì bị mất giấy chứng nhận đăng ký xe. Lúc này, D không xin cấp lại mà lên mạng xã hội đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010757, biển số 69B1 - 155.33, tên chủ xe Lê Hoàng D với giá 1.500.000 đồng.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe giả, D sử dụng đến ngày 17 tháng 7 năm 2017, D mang xe mô tô loại Air Blade màu trắng – đỏ - đen gắn biển số 69B1 - 155.33 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 010757, biển số 69B1 - 155.33, tên chủ xe Lê Hoàng D rồi bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT với giá 18.000.000 đồng. Sau khi bán, D thuê lại xe để sử dụng, còn giấy chứng nhận đăng ký xe số 010757, biển số 69B1 – 155.33, tên chủ xe Lê Hoàng D do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT giữ lại.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, D đến Phòng cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh C xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 69B1 -

155.33. Đến ngày 04 tháng 9 năm 2017, D được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032177, biển số 69B1 - 155.33, tên chủ xe Lê Hoàng D. Ngày 06 tháng 9 năm 2017, D mang xe mô tô loại Air Blade gắn biển số 69B1 - 155.33 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 032177 đến dịch vụ cầm đồ Tường Vy thuộc khóm B, phường T, TP M do ông Phạm Văn B, sinh năm 1963, thường trú khóm B, phường T, TP M làm chủ cầm với giá 19.000.000 đồng.

Từ khi thuê lại xe mô tô 69B1 - 155.33 từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT, D đóng tiền lãi được hai tháng, sau đó không đóng nữa. Công ty liên lạc tìm D thì không gặp được D và sau khi cầm xe cho dịch vụ cầm đồ Tường Vy, D cũng không đóng tiền lãi suất nên con ông B là Phạm Hoài Nh đem xe mô tô 69B1 - 155.33 của D cầm ra sử dụng. Đến ngày 01 tháng 6 năm 2018, ông Phạm Mạnh H là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT phát hiện Nh đang sử dụng xe mô tô 69B1 - 155.33 nên trình báo Công an phường 8, TP M và thu giữ: 01 mô tô hiệu Airblade màu trắng - đỏ - đen, biển số 69B1-155.33 đã qua sử dụng, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 010757, qua kiểm tra số khung số máy: không phát hiện số khung số máy.

Ngày 08/6/2018, ông Phạm Văn B nộp cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau: 01 hợp đồng cầm cố tài sản đề ngày 09/7/2017, người cầm là Lê Hoàng D, tài sản là xe 69B1-155.33; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 69B1-155.33, tên chủ xe Lê Hoàng D cấp ngày 04/9/2017 số 032177.

Tại kết luận giám định số 86/-GD-2018 ngày 24/7/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Vị trí đóng số khung và số máy trên xe mô tô, biển số kiểm soát 69B1- 155.33 (ký hiệu A) đã bị cắt mất, không phát hiện hàng chữ số nguyên thủy.

Tại kết luận giám định số 87/GD-2018, ngày 26 tháng 7 năm 2018, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010757 tên Lê Hoàng D ngày 28/12/2016 (ký hiệu A1) là chứng nhận giả.

- Hình dấu tròn màu đỏ trên “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 032177, tên chủ xe Lê Hoàng D ngày 04/9/2017 (ký hiệu A2) so với hình dấu tròn màu đỏ dưới cụm từ: “dưới đây là 06 hình dấu của Phòng cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh Cà Mau”; trên biên bản “Biên bản (V/v thu mẫu hình dấu và chữ ký) ngày 19/7/2018 (M1) là do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký phía dưới có họ tên Trung tá Trần Công Luận, ký dưới mục “P TRƯỞNG PHÒNG” trên “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 032177 tên chủ xe Lê Hoàng D ngày 04/9/2017 (ký hiệu A2) so với chữ ký, ký dưới cụm từ và mục; dưới đây là chữ ký của đồng ký Trần Công Luận” “PHÓ TRƯỞNG

PHÒNG” trên “Biên bản (V/v thu mẫu hình dấu và chữ ký) ngày 19/7/2018; “kế hoạch” số 67/KH-PC67, ngày 11/10/2017 (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra.

- Phôi “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 032177 tên chủ xe Lê Hoàng D ngày 04/9/2017 (ký hiệu A2) so với phôi “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 045504(M3) là do cùng bản in ra.

Quá trình điều tra, Lê Hoàng D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm của mình.

Ngày 03/7/2018, Lê Hoàng D nộp cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau số tiền là 19.000.000 để khắc phục cho ông Phạm Văn B.

Ngày 16/7/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau đã trả cho ông Phạm Văn B số tiền 19.000.000 đồng. Hiện ông B không yêu cầu gì về dân sự.

Ngày 06/12/2018, Lê Hoàng D đã nộp 8.000.000 đồng để bồi thường cho ông Đoàn Công M đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ TTT. Hiện ông M yêu cầu D bồi thường tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 10/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48, Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng D từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (một) năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt hai tội là từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện Công ty TTT, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT số tiền 10.000.000 đồng.

- Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thương mại dịch vụ TTT yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng D thừa nhận hành vi phạm tội, về trách nhiệm hình sự bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là phù hợp.

[2] Đối với ông Phạm Văn B là người bị hại có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của ông B không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Út.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lê Hoàng D khai nhận: Vào năm 2015 bị cáo có mua một xe mô tô loại Air Blade màu đen - bạc của bà Nguyễn Thị N nhưng không làm thủ tục sang tên. Trong quá trình sử dụng bị cáo làm mất giấy tờ xe và nộp đơn xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe và đồng thời thay đổi màu sơn xe từ đen – bạc thành trắng – đỏ - đen. Sau khi được cấp giấy và thay đổi màu sơn, bị cáo sử dụng một thời gian bị cáo làm mất giấy tờ xe nên trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2017 bị cáo đã lên mạng đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 69B1-155.33, sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe qua đường bưu điện tại nhà bị cáo thuộc khóm B, phường T, thành phố M, bị cáo mang xe cùng với giấy tờ đến bán cho công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ TTT do ông Đoàn Công M làm đại diện bán và chiếm đoạt số tiền 18.000.000 đồng, sau đó bị cáo thuê lại xe và tiếp tục làm thủ tục xin cấp lại giấy đăng ký xe 69B1-155.33 và dùng giấy chứng nhận đăng ký xe này để cầm xe cho dịch vụ cầm đồ Tường Vy do ông Phạm Văn B làm chủ chiếm đoạt số tiền 19.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là có cơ sở để chấp nhận, bởi lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được và nhiều tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được xe không có giấy tờ sẽ không bán hay cầm cố được nên bị cáo đã tìm kiếm và liên hệ để làm giấy tờ giả. Bản thân bị cáo biết rõ làm giả giấy tờ của cơ quan tổ chức nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích sử dụng giấy tờ này để thực hiện hành vi phạm tội khác và thực tế bị cáo đã dùng giấy tờ giả này để chiếm đoạt của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT số tiền 18.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Phạm Văn B số tiền 19.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và thuộc trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, do đó Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 10/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, gây khó khăn cho công tác quản lý xã hội và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật cụ thể là xâm phạm đến tài sản của công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ TTT và ông Phạm Văn B, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang lo sợ ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của bộ phận dân cư trong cộng đồng. Với tính chất và mức độ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo như trên cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho ông B và một phần thiệt hại cho công ty TTT. Người bị hại ông Phạm Văn B có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo có bệnh, cha mẹ bị cáo là người cao tuổi bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án kết án nên dù có giảm nhẹ cho bị cáo nhưng cũng cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho ông Phạm Văn B số tiền 19.000.000 đồng và hiện ông B không yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, hiện nay ông Đoàn Công M đại diện công ty yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho Công ty TTT số tiền 10.000.000 đồng theo như yêu cầu của công ty. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển số 69B1-155.33 vị trí đóng số khung và số máy trên xe đã bị cắt mất, quá trình điều tra chưa chứng minh được người cắt cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 032177 ngày 04/9/2017 xét thấy cần giao Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có căn cứ xử lý sau.

Đối với đối tượng làm giả giấy tờ cho bị cáo Lê Hoàng D do không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không mời làm việc được. Vì vậy, tách ra giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cà Mau tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe, máy số 010575 tên Lê Hoàng D ngày 28/12/2016 là giấy giả liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, được lưu giữ theo hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý.

[6] Về án phí, bị cáo Lê Hoàng D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí

dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 48, Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 106, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng D 01(Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành của hai tội là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không tự nguyện thi hành xong thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lê Hoàng D phải chịu số tiền là 200.000đ (chưa nộp).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Lê Hoàng D phải chịu số tiền là 500.000 đồng (chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, bị cáo và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ TTT có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Út vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tp. Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau
- CAND tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS TP.Cà Mau;
- TAND T. Cà Mau;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT (TM: TAND TPCM).

